

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ 2 NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 01, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.516.709.850.423	1.391.476.968.171
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	215.437.456.243	172.567.048.493
1.	Tiền	111		184.037.456.243	152.567.048.493
2.	Các khoản tương đương tiền	112		31.400.000.000	20.000.000.000
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		104.775.344.105	112.264.578.609
1.	Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	140.694.265.680	140.694.265.680
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(68.918.921.575)	(61.529.687.071)
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	33.000.000.000	33.100.000.000
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.052.620.434.615	948.717.189.064
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	438.104.123.275	415.572.537.439
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4a	398.965.974.963	313.407.557.232
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	26.075.460.000	25.110.000.000
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	199.480.825.772	204.403.043.787
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(10.005.949.394)	(9.775.949.394)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140		66.704.860.111	65.547.974.159
1.	Hàng tồn kho	141	V.8	69.836.594.279	68.666.483.779
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(3.131.734.168)	(3.118.509.620)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		77.171.755.348	92.380.177.846
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	10.385.018.206	18.685.914.248
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		60.000.830.838	67.247.820.601
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.18	6.785.906.304	6.446.442.997
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B-	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8.417.616.162.916	8.592.586.275.948
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		30.676.061.350	54.548.228.370
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.4b	358.000.000	358.000.000
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	30.318.061.350	54.190.228.370
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		3.295.722.711.059	3.404.108.820.531
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	2.837.482.109.350	2.919.498.474.108
-	- Nguyên giá	222		4.532.027.153.522	4.493.007.287.938
-	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.694.545.044.172)	(1.573.508.813.830)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	181.898.349.026	203.471.422.418
-	- Nguyên giá	225		259.738.889.560	259.292.255.153
-	- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(77.840.540.534)	(55.820.832.735)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.12	276.342.252.683	281.138.924.005
-	- Nguyên giá	228		348.551.509.225	346.696.893.881
-	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(72.209.256.542)	(65.557.969.876)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
-	- Nguyên giá	231		-	-
-	- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		1.661.417.388.092	1.707.554.353.910
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	1.661.417.388.092	1.707.554.353.910
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.660.753.003.871	2.631.526.440.205
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	2.434.619.693.015	2.408.854.342.493
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2d	238.333.032.000	238.333.032.000
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2d	(12.199.721.144)	(15.660.934.288)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		769.046.998.545	794.848.432.932
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	698.354.304.348	709.062.974.706
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	29.265.515.251	30.485.029.379
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5.	Lợi thế thương mại	269	V.15	41.427.178.946	55.300.428.847
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		9.934.326.013.339	9.984.063.244.119

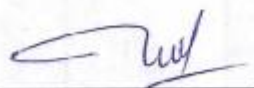
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2019
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

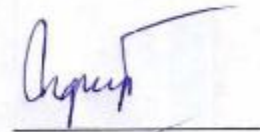
CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C -	NỢ PHẢI TRẢ	300		3.122.996.697.722	3.455.080.797.582
I.	Nợ ngắn hạn	310		1.302.067.741.498	1.564.164.959.918
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	374.879.936.201	403.579.649.960
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.17	9.761.893.731	4.780.274.288
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.18	46.271.962.832	31.037.822.817
4.	Phải trả người lao động	314	V.19	33.573.312.163	64.434.393.519
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.20	169.691.758.528	167.617.217.603
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.22a	106.994.323.900	108.740.670.393
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.23a	427.541.559.311	675.007.320.722
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.24	66.726.495.831	66.507.460.107
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.25	66.626.499.001	42.460.150.509
13.	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		1.820.928.956.224	1.890.915.837.664
1.	Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.21	227.083.183.400	230.488.858.099
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.22b	71.764.496.504	68.333.658.840
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.23b	1.520.627.027.381	1.591.981.449.040
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.26	1.454.248.939	111.871.685
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2019
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		6.811.329.315.617	6.528.982.446.537
I. Vốn chủ sở hữu	410		6.811.329.315.617	6.528.982.446.537
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.27a	2.969.249.570.000	2.969.249.570.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.969.249.570.000	2.969.249.570.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.27a	1.941.832.197.040	1.941.832.197.040
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.27a	71.797.775.902	71.797.775.902
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	V.27a	73.198.047.913	88.120.738.511
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.27a	154.834.882.853	140.506.685.321
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.27a	140.828.449.326	127.122.474.017
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.27a	768.239.629.689	541.644.403.653
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		479.283.403.127	541.644.403.653
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		288.956.226.562	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.28	691.348.762.894	648.708.602.093
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		9.934.326.013.339	9.984.063.244.119

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 07 năm 2019


Phạm Quang Huy
Người lập biểu


Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng




Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Quý 2 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI,1	668.239.883.990	597.312.243.855	1.297.231.593.286	1.299.074.551.073
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		668.239.883.990	597.312.243.855	1.297.231.593.286	1.299.074.551.073
4. Giá vốn hàng bán	11	VI,2	402.873.351.631	317.600.324.572	781.925.728.942	813.979.917.999
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		265.366.532.359	279.711.919.283	515.305.864.344	485.094.633.074
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI,3	93.863.828.576	147.245.889.975	105.404.619.337	1.546.133.686.333
7. Chi phí tài chính	22	VI,4	37.715.660.231	(52.707.183.475)	81.799.873.418	(24.431.043.793)
Trong đó: chi phí lãi vay	23		38.201.714.277	30.016.165.125	74.048.109.380	53.630.625.584
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		74.828.723.579	32.197.787.480	117.746.905.119	53.974.186.700
9. Chi phí bán hàng	25	VI,5	35.170.810.419	52.528.643.700	64.232.024.728	79.207.983.735
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI,6	76.642.815.093	79.823.491.398	149.680.215.747	149.644.130.047
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		284.529.798.771	379.510.645.116	442.745.274.907	1.880.781.436.118
12. Thu nhập khác	31	VI,7	4.116.950.904	3.406.147.188	7.900.896.581	11.887.720.447
13. Chi phí khác	32	VI,8	51.758.773.802	101.429.116.180	52.657.406.191	103.163.323.072
14. Lợi nhuận khác	40		(47.641.822.898)	(98.022.968.992)	(44.756.509.610)	(91.275.602.625)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		236.887.975.873	281.487.676.124	397.988.765.297	1.789.505.833.493
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		35.458.825.356	6.201.982.328	50.523.112.821	238.263.659.738
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(184.692.093)	(199.119.556)	(314.393.561)	(2.944.045.012)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		201.613.842.610	275.484.813.352	347.780.046.037	1.554.186.218.767
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		169.357.438.588	260.881.108.547	288.956.226.562	1.528.862.954.602
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		32.256.404.022	14.603.704.805	58.823.819.475	25.323.264.165
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI,9	524	886	895	5.243
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI,9	524	886	895	5.243

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 07 năm 2019


Phạm Quang Huy
Người lập biểu


Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng




Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 01, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2019**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT****(Theo phương pháp gián tiếp)****Quý 2 năm 2019**

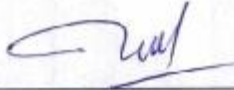
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước
I, Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		-	
1, Lợi nhuận trước thuế	01	397.988.765.297	1.789.505.833.493
2, Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	179.631.475.469	151.333.962.072
- Các khoản dự phòng	03	4.710.465.298	(113.689.942.377)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	2.473.403.986	7.579.590.554
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(58.715.473.425)	(1.443.698.210.174)
- Chi phí lãi vay	06	74.048.109.380	53.630.625.584
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3, Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	600.136.746.005	444.661.859.152
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(253.702.936.152)	(68.705.324.769)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(27.785.006.530)	18.170.947.488
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	260.360.265.516	(46.641.482.968)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	19.009.566.400	7.031.661.949
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(73.245.739.325)	(37.778.588.719)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(37.988.690.775)	(106.390.517.499)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(26.447.342.637)	(15.278.046.602)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	460.336.862.502	195.070.508.032
II, Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1, Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(118.442.762.157)	(743.428.605.693)
2, Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	1.455.454.546	2.541.792.492
3, Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(30.865.460.000)	(36.330.000.000)
4, Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	18.900.000.000	56.765.000.000
5, Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(96.770.850.000)	(230.649.000.000)
6, Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	120.227.219.374	1.814.973.893.654
7, Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.978.089.489	78.941.517.113
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(99.518.308.748)	942.814.597.566

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2019
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay		Năm trước	
III, Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1, Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-	-	-
2, Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-	-	-
3, Tiền thu từ đi vay	33	319.148.866.591	836.989.914.089		
4, Tiền trả nợ gốc vay	34	(609.584.575.823)	(216.032.074.526)		
5, Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(27.428.291.615)	(10.356.196.331)		
6, Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(2.345.656.266.600)		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(317.864.000.847)	(1.735.054.623.368)		
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	42.954.552.907	(597.169.517.770)		
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	172.567.048.493	779.802.200.597		
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(84.145.157)	276.858.249		
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	215.437.456.243	182.909.541.076		

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 07 năm 2019


Phạm Quang Huy
 Người lập biểu


Nguyễn Minh Nguyệt
 Kế toán trưởng


Đỗ Văn Minh
 Tổng Giám đốc



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT **Quý 2 năm 2019**

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Gemadept (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Công ty kiên định với chiến lược phát triển các ngành nghề kinh doanh cốt lõi bên cạnh việc tiến hành đa dạng hóa ngành nghề một cách có chọn lọc. Các lĩnh vực kinh doanh của Công ty bao gồm: khai thác cảng, logistics, trồng rừng và bất động sản.

- Khai thác cảng: Khai thác hệ thống cảng trái dọc từ Bắc chí Nam, tại các thành phố lớn và các vùng kinh tế trọng điểm: cảng Phước Long, cảng Nam Hải, cảng Nam Hải Đình Vũ, cảng Nam Đình Vũ, Nam Hải ICD; cảng Dung Quất, cảng Bình Dương; Đầu tư vào dự án cảng nước sâu Gemalink Cái Mép.
- Logistics: Trung tâm phân phối; Vận tải container chuyên tuyến; Vận tải hàng siêu trường siêu trọng; Vận tải đa phương thức; Quản lý tàu và thuyền viên; Đại lý giao nhận; Ga hàng hóa hàng không.
- Trồng rừng: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cây cao su và cây công nghiệp tại Campuchia.
- Bất động sản: Xây dựng và khai thác các trung tâm thương mại, khách sạn, cao ốc văn phòng ở các thành phố lớn tại Việt Nam và khu vực Đông Dương bao gồm dự án Khu phức hợp Saigon Gem, dự án Khu phức hợp tại Viêng Chăn – Lào.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Ngày 30/01/2019, Hội đồng quản trị Công ty đã ra quyết định tăng vốn điều lệ tại Công ty TNHH Cảng Phước Long nhằm mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh và quyết định bảo lãnh cho việc vay vốn của Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép – Gemadept Terminal Link. Ngày 20/02/2019, Công ty đã khởi công xây dựng công trình cảng nước sâu lớn nhất Việt Nam - Cảng Gemalink tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trong kỳ, Công ty tiến hành điều chỉnh ngành nghề kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 16/05/2019.

Trong kỳ, Công ty tiếp tục góp vốn bổ sung vào Công ty Cổ phần Niềm Kiêu Hãnh Thái Bình Dương, Công ty TNHH MTV Công nghiệp Cao su Thái Bình Dương và Công ty TNHH Cảng Phước Long, đồng thời ra quyết định chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Gemadept Campuchia và hoàn tất việc giải thể Công ty TNHH Tin học Vĩ Tín.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2019**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****6. Cấu trúc tập đoàn**

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 18 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ và 17 công ty liên doanh, liên kết (tại thời điểm đầu năm Tập đoàn có 19 công ty con và 17 công ty liên doanh, liên kết). Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất kỳ này

6a. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Cảng Nam Đình Vũ	Lô CA1, Khu công nghiệp Nam Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam	60,00%	60,00%	60,00%	60,00%
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Đình Vũ	Km số 6 Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam	84,66%	84,66%	84,66%	84,66%
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải	201 Ngô Quyền, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam	99,98%	99,98%	99,98%	99,98%
Công ty Cổ phần ICD Nam Hải	Lô CN3, Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam	65,00%	65,00%	65,00%	65,00%
Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	Bến số 1 – Cảng tổng hợp Dung Quất, Xã Bình Thuận, Huyện Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam	80,40%	80,40%	80,40%	80,40%
Công ty TNHH Cảng Phước Long	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Trường Thọ ⁽¹⁾	Khu phố 7, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	46,00%	46,00%	54,00%	54,00%
Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Hàng hải Thái Bình Dương	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH ISS – Gemadept	45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hải Thái Bình Dương	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Cao su Thái Bình Dương	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Thái Bình Dương	61 đường 468, Phường Toul Tumpoung 2, Quận Chamkarmon, TP. Phnom Penh, Campuchia	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Hoa Sen Thái Bình Dương	18B đường 500, Phường Phsar Deum Thkov, Quận Chamkarmon, TP. Phnom Penh, Campuchia	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Niềm Kiêu Hân Thái Bình Dương	947 Thôn Por Prok Khang Tbung, Phường Kar Karb, Quận Po Sen Chey, TP. Phnom Penh, Campuchia	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp V.N.M	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2019**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Gemadept	147 Nguyễn Thái Bình, Phường 3, TP. Tân An, Tỉnh Long An, Việt Nam	50,00%	50,00%	50,00%	50,00%
Công ty Cổ phần Gemadept Vũng Tàu	1/1A Phạm Hồng Thái, Phường 7, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	70,00%	70,00%	70,00%	70,00%
Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội	98 Phạm Hùng, Phường Lý Thường Kiệt, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam	53,20%	53,20%	53,20%	53,20%

- (i) Tập đoàn nắm quyền kiểm soát Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Trường Thọ do được sự ủy quyền của một số cổ đông để đạt tỷ lệ quyền biểu quyết trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông là 54%.

6b. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	49,10%	49,10%	49,10%	49,10%
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept	Lô J1, đường số 8, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	49,10%	49,10%	49,10%	49,10%
Công ty Cổ phần Mekong Logistic	Khu công nghiệp Sông Hậu, Xã Đông Phú, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	25,02%	25,02%	25,02%	25,02%
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	Tầng 6, lô 20A, tòa nhà TD Plaza Business Center, đường Lê Hồng Phong, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam	49,10%	49,10%	49,10%	49,10%
Công ty TNHH CJ Gemadept Shipping Holdings	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	51,00%	51,00%	50,00%	50,00%
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	51,00%	51,00%	50,00%	50,00%
Gemadept Shipping Singapore Pte. Ltd.	63 Market Street #05 – 01A Bank of Singapore Centre, Singapore, 048942	51,00%	51,00%	50,00%	50,00%
Gemadept (Malaysia) Sdn. Bhd.	No.68B, Jalan Batai Laut 4, Taman Intan, 41300 Klang, Selangor Darul Ehsan, Malaysia	51,00%	51,00%	50,00%	50,00%
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link ⁽ⁱ⁾	Khu vực Cái Mép, Xã Phước Hòa, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	65,13%	65,13%	50,00%	50,00%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	30 Phan Thúc Duyện, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	35,21%	36,43%	35,21%	36,43%

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2019**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Tiếp vận "K" Line – Gemadept	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	50,00%	50,00%	50,00%	50,00%
Công ty TNHH Golden Globe	Bản Sibunhuong, Quận Chanthabouly, Thủ đô Vientiane, Lào	40,00%	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty TNHH Thương mại Quả Cầu Vàng	117 Lê Lợi, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	45,00%	45,00%	45,00%	45,00%
Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm	267 Quang Trung, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam	26,56%	26,56%	26,56%	26,56%
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm	Cầu Tum, Khu phố Hải Tân, Thị trấn Phước Hải, Huyện Đất Đỏ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	40,00%	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty Cổ phần Thương cảng Vũng Tàu	973 đường 30/4, Phường 11, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	26,78%	26,78%	26,78%	26,78%
Công ty TNHH OOCL Logistics (Việt Nam)	Tầng 13, tòa nhà Sài Gòn Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	49,00%	49,00%	49,00%	49,00%

⁽ⁱ⁾ Mặc dù tỷ lệ phần sở hữu của Tập đoàn trong Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link là hơn 50% nhưng theo Điều lệ Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link quy định các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được số cổ đông đại diện cho ít nhất 76% tổng số cổ phần biểu quyết đồng ý thông qua. Do đó khoản đầu tư này được trình bày ở khoản mục "Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết" trên Báo cáo tài chính hợp nhất kỳ này.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này

8. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Tập đoàn có 1.479 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm 1.481 nhân viên)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Quý 2 năm 2019 bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Phương Đông (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Phương Đông (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

Tỷ giá sử dụng khi chuyển đổi Báo cáo tài chính của công ty con lập bằng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty mẹ như sau:

- Tài sản và lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con ở nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá mua của ngân hàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Nợ phải trả được quy đổi theo tỷ giá bán của ngân hàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Giá trị tài sản thuần của công ty con do Công ty mẹ nắm giữ tại ngày mua được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ tại ngày mua.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày mua công ty con được quy đổi bằng cách tính toán theo các khoản mục doanh thu, chi phí của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Cổ tức đã trả được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả cổ tức.
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Nếu tỷ giá bình quân kỳ báo cáo xấp xỉ tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không quá 2%) thì áp dụng tỷ giá bình quân. Nếu biên độ giao động của tỷ giá giữa thời điểm đầu năm và cuối kỳ trên 2% thì áp dụng theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính của công ty con được phản ánh lũy kế trong phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc:

- Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho Công ty mẹ được trình bày tại khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho cổ đông không kiểm soát được trình bày tại khoản mục "Lợi ích cổ đông không kiểm soát".

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh liên quan đến việc quy đổi khoản lợi thế thương mại chưa phân bổ hết tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính toán bộ cho Công ty mẹ và được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T=0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tập đoàn và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Tập đoàn ghi nhận lợi ích của mình trong cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tập đoàn ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày kết thúc quyền đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát khác

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi phí phát sinh liên quan đến dự án chưa hoàn thành.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là:

Chi phí nhượng quyền sử dụng đất

Chi phí nhượng quyền sử dụng đất thể hiện khoản tiền thuê đất, các chi phí tư vấn và chi phí khác đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Chi phí nhượng quyền sử dụng đất được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê đất.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng từ 02 – 03 năm.

Chi phí lãi thuê tài chính container

Chi phí lãi thuê tài chính container được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 06 năm.

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 05 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 40
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của thiết bị và phương tiện vận tải không quá 06 năm.

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 – 08 năm.

Chi phí thiết kế trang Web

Chi phí thiết kế trang Web bao gồm tất cả các chi phí liên quan trực tiếp đến việc thiết lập trang web. Chi phí này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

Các chi phí phát sinh liên quan đến các lô cây trồng sinh trưởng kém sẽ được ghi giảm vào chi phí khác trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

14. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong kỳ là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

16. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được ước tính một cách đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Tập đoàn liên quan đến những tổn thất phải bồi thường trong quá trình vận chuyển.

17. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

18. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

19. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

20. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ cung cấp dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp dịch vụ đã cung cấp từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh giảm giá hàng bán thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá hàng bán phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá hàng bán phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ sau.

21. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

22. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2019**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	13.608.171.956	8.735.160.738
Tiền gửi ngân hàng	142.688.240.614	140.433.501.718
Tiền đang chuyển	27.741.043.673	3.398.386.037
Các khoản tương đương tiền (<i>tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng</i>)	31.400.000.000	20.000.000.000
Cộng	<u>215.437.456.243</u>	<u>172.567.048.493</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	<u>Số cuối kỳ</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu						
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân	94.971.030.000	56.818.947.455	(38.152.082.545)	94.971.030.000	62.645.063.159	(32.325.966.841)
Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức	31.488.264.362	14.956.109.200	(16.532.155.162)	31.488.264.362	16.519.218.000	(14.969.046.362)
Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan	14.234.321.100	-	(14.234.321.100)	14.234.321.100	-	(14.234.321.100)
Các cổ phiếu khác	650.218	339.800	(362.768)	650.218	365.900	(352.768)
Cộng	<u>140.694.265.680</u>	<u>71.775.396.455</u>	<u>(68.918.921.575)</u>	<u>140.694.265.680</u>	<u>79.164.647.059</u>	<u>(61.529.687.071)</u>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	(61.529.687.071)	(74.153.531.152)
(Dự phòng)/ Hoàn nhập trong kỳ	(7.389.234.504)	3.689.740.500
Số cuối kỳ	<u>(68.918.921.575)</u>	<u>(70.463.790.652)</u>

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 03 tháng đến 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2019**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****2c. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

	Giá gốc	Số cuối kỳ Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Số đầu năm Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty TNHH thương mại Quả cầu vàng	62.538.064.097	3.650.391.846	66.188.455.943	62.538.064.097	1.474.981.345	64.013.045.442
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu	9.642.000.000	1.356.473.043	10.998.473.043	9.642.000.000	1.498.525.617	11.140.525.617
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn	409.172.029.720	99.988.421.498	509.160.451.218	423.398.893.817	68.814.681.326	492.213.575.143
Công ty cổ phần liên hiệp thực phẩm	49.825.280.000	(21.059.835.449)	28.765.444.551	49.825.280.000	(20.376.321.648)	29.448.958.352
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept- Terminal Link	1.477.350.000.000	(131.390.154.994)	1.345.959.845.006	1.477.350.000.000	(123.045.215.437)	1.354.304.784.563
Công ty TNHH Golden Globe	94.992.157.496	(151.959.664)	94.840.197.832	94.992.157.496	(396.573.410)	94.595.584.086
Công ty TNHH tiếp vận "K" Line- Gemadept	108.001.500.000	2.278.072.027	110.279.572.027	108.001.500.000	3.613.274.743	111.614.774.743
Công ty TNHH Gemadept Logistics Holding	131.555.876.205	34.430.693.377	165.986.569.582	131.555.876.205	28.469.974.465	160.025.850.670
Công ty TNHH Gemadept Shipping Holding	104.620.023.000	(2.179.339.186)	102.440.683.814	104.620.023.000	(13.122.779.123)	91.497.243.877
Các công ty liên doanh, liên kết khác	19.783.608.143	(19.783.608.143)	-	19.783.608.143	(19.783.608.143)	-
Cộng	2.467.480.538.661	(32.860.845.646)	2.434.619.693.015	2.481.707.402.758	(72.853.060.265)	2.408.854.342.493

Giao dịch với các công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn		
Cổ tức được chia	77.079.750.500	55.885.920.000
Vay	50.000.000.000	80.000.000.000
Chi phí lãi vay	2.386.574.562	804.821.918
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link		
Lãi vay	328.142.924	639.917.450
Doanh thu cho thuê văn phòng	132.701.962	132.000.000
Công ty Cổ phần Thương cảng Vũng Tàu		
Cổ tức được chia	674.940.000	1.157.040.000
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm		
Cho vay	180.000.000	330.000.000
Công ty TNHH Tiếp vận "K" Line - Gemadept		
Góp vốn	-	36.649.000.000
Doanh thu dịch vụ	2.518.413.155	1.231.417.200
Vay	-	15.000.000.000
Lai vay	-	174.246.575
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept		
Lãi cho vay	-	299.916.438
Cho vay	-	5.000.000.000
Thu hộ	1.638.382.444	17.224.309.463

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2019**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Doanh thu dịch vụ	9.985.634.825	5.625.636.710
Cho thuê tài sản	2.188.353.404	1.437.954.545
Chi hộ	351.759.050	577.584.570
Chi phí dịch vụ	46.800.000	-
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng		
Doanh thu cho thuê tài sản	3.073.090.909	2.710.909.091
Doanh thu dịch vụ đại lý	32.413.153.202	14.931.566.052
Chi phí dịch vụ	27.634.801.598	27.806.641.721
Chi hộ	21.662.046	27.019.386
Công ty Cổ phần Mekong Logistic		
Lãi cho vay	282.849.316	70.767.123
Cho vay	-	3.000.000.000
Công ty TNHH MTV vận tải biển Gemadept		
Doanh thu dịch vụ, Cho thuê tài sản, phí đại lý tàu	45.903.862.871	35.906.177.612
Chi phí dịch vụ	429.090.911	1.941.147.277
Chi hộ	15.520.125.200	1.923.876.909
Thu hộ	19.281.214.961	22.930.490.921
Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings		
Cho vay	6.000.000.000	-
Lãi cho vay	184.986.302	-
Công ty TNHH CJ Gemadept Shipping Holdings		
Cho vay	2.785.460.000	-
Lãi cho vay	46.258.709	-

2d. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam	165.581.032.000	-	165.581.032.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam ⁽ⁱ⁾	31.752.000.000	(9.022.859.999)	31.752.000.000	(12.493.645.455)
Công ty CP Mặt Trời Đông Dương	36.000.000.000	-	36.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Trí Tuệ Việt Nam	5.000.000.000	(3.176.861.145)	5.000.000.000	(3.167.288.833)
Cộng	238.333.032.000	(12.199.721.144)	238.333.032.000	(15.660.934.288)

(i) Công ty cổ phần chứng khoán công nghiệp Việt Nam đang hoàn tất các thủ tục giải thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2019**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	34.556.608.615	51.457.623.017
Công ty TNHH tiếp vận "K" Line – Gemadept	440.361.438	993.762.000
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept	16.157.171.273	28.751.453.446
Công ty TNHH MTV Tiếp Vận Gemadept	4.644.983.597	4.201.998.876
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	13.314.092.307	17.231.228.695
Công ty TNHH OOCL Logistics (Việt Nam)	-	279.180.000
Phải thu các khách hàng khác	403.547.514.660	364.114.914.422
Công ty Cổ phần cảng Bình Dương	51.528.279.238	-
Các khách hàng khác	352.019.235.422	364.114.914.422
Cộng	438.104.123.275	415.572.537.439

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn/dài hạn**4a. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần Bông Sen Vàng	58.274.181.296	58.274.181.296
Công ty cổ phần hàng hải Ngân Hà	13.749.058.064	16.633.824.821
Công ty cổ phần cảng Bình Dương	12.694.962.702	22.435.940.990
Các nhà cung cấp khác	314.247.772.901	216.063.610.125
Cộng	398.965.974.963	313.407.557.232

4b. Trả trước cho người bán dài hạn

Khoản trả trước cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng Vương Song.

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cho các bên liên quan vay	15.075.460.000	14.110.000.000
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	2.290.000.000	2.110.000.000
Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings	10.000.000.000	4.000.000.000
Công ty TNHH CJ Gemadept Shipping Holdings	2.785.460.000	-
Công ty Cổ phần Mekong Logistics	-	8.000.000.000
Cho tổ chức khác vay	11.000.000.000	11.000.000.000
Cộng	26.075.460.000	25.110.000.000

6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	49.598.076.228	68.636.960.655
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	206.882.222	206.882.222
Công ty TNHH thương mại Quả Cầu Vàng	300.000.000	300.000.000
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	-	1.072.446.000
Cty TNHH MTV vận tải biển Gemadept	18.918.962.062	31.478.017.357
Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept	579.715.409	327.961.655

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2019**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Công ty cổ phần Mekong Logistics	139.835.617	82.328.766
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	3.092.203.856	9.132.443.155
Công ty TNHH Golden Globe	26.200.245.750	26.036.881.500
Công ty TNHH CJ Gemadept Shipping Holdings	46.258.709	-
Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings	113.972.603	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân	149.882.749.543	135.766.083.132
Các khoản chi hộ	16.870.671.172	6.383.871.743
Tạm ứng	68.407.358.242	76.383.333.617
Công ty TNHH Sông Hằng – Góp vốn hợp tác thực hiện dự án Cảng tổng hợp Lê Chân	19.000.000.000	19.000.000.000
Các khoản ký quỹ, đặt cọc ngắn hạn	5.942.955.618	6.416.987.018
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	39.661.764.512	27.581.890.754
Cộng	199.480.825.772	204.403.043.787

6b. Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần hàng hải Ngân Hà	-	24.000.000.000
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Đông Dương – góp vốn hợp tác thực hiện dự án khu dịch vụ hậu cần logistics	18.000.000.000	18.000.000.000
Các khoản ký quỹ, đặt cọc dài hạn	6.621.304.080	9.424.688.070
Các khoản phải thu dài hạn khác	5.696.757.270	2.765.540.300
Cộng	30.318.061.350	54.190.228.370

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	(9.775.949.394)	(13.885.718.489)
Dự phòng	(230.000.000)	(370.941.795)
Giảm do thoái vốn công ty con	-	3.097.397.830
Số cuối kỳ	(10.005.949.394)	(11.159.262.454)

8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	33.769.731.706	-	30.445.778.818	-
Nhiên liệu tồn trên tàu	3.668.876.927	-	1.152.441.000	-
Phụ tùng thay thế	11.144.123.346	-	12.423.586.653	-
Công cụ dụng cụ	353.976.771	-	352.473.720	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	14.240.519.846	-	15.448.609.291	-
Hàng hóa	6.659.365.683	(3.131.734.168)	8.843.594.297	(3.118.509.620)
Cộng	69.836.594.279	(3.131.734.168)	68.666.483.779	(3.118.509.620)

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2019**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****9. Chi phí ngắn hạn/dài hạn****9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa	1.192.609.789	2.198.619.817
Chi phí vật tư	1.854.703.440	261.666.669
Chi phí bảo hiểm	3.186.416.162	2.810.437.695
Chi phí nạo vét, duy tu cảng	1.200.433.000	9.360.321.092
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.950.855.815	4.054.868.975
Cộng	10.385.018.206	18.685.914.248

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí nhượng quyền sử dụng đất ⁽ⁱ⁾	138.344.413.176	140.397.901.459
Tiền thuê đất ⁽ⁱⁱ⁾	441.421.990.440	447.067.932.252
Chi phí đầu tư đường gom	25.129.521.560	23.467.404.134
Chi phí vật tư, phụ tùng	7.569.352.524	3.859.164.753
Chi phí sửa chữa kho, văn phòng	13.391.280.141	-
Chi phí lãi thuê tài chính container	44.308.089.797	49.467.126.156
Các chi phí trả trước dài hạn khác	28.189.656.710	44.803.445.952
Cộng	698.354.304.348	709.062.974.706

(i) Chi phí nhượng quyền sử dụng đất của Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Đình Vũ. Quyền sử dụng đất này đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng.

(ii) Tiền thuê đất của Công ty Cổ phần ICD Nam Hải và Công ty Cổ phần Cảng Nam Đình Vũ. Trong đó tiền thuê đất của Công ty Cổ phần ICD Nam Hải đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Hải Phòng, tiền thuê đất của Công ty Cổ phần Cảng Nam Đình Vũ đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng Quốc Tế – Chi nhánh Sài Gòn.

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	1.952.413.828.616	1.301.233.553.805	1.211.574.132.018	27.785.773.499	4.493.007.287.938
Tăng trong kỳ	140.975.000	688.318.438	46.025.284.979	663.992.050	47.518.570.467
Giảm trong kỳ	(1.164.309.090)	(4.417.989.232)	(2.916.406.561)	-	(8.498.704.883)
Số cuối kỳ	1.951.390.494.526	1.297.503.883.011	1.254.683.010.436	28.449.765.549	4.532.027.153.522
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	568.975.610.116	421.771.970.570	569.848.412.040	12.912.821.104	1.573.508.813.830
Tăng trong kỳ	56.647.006.483	47.396.680.551	22.667.387.216	2.138.247.465	128.849.321.715
Giảm trong kỳ	(543.583.496)	(4.328.812.673)	(2.940.695.204)	-	(7.813.091.373)
Số cuối kỳ	625.079.033.103	464.839.838.448	589.575.104.052	15.051.068.569	1.694.545.044.172
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	1.383.438.218.500	879.461.583.235	641.725.719.978	14.872.952.395	2.919.498.474.108
Số cuối kỳ	1.326.311.461.423	832.664.044.563	665.107.906.384	13.398.696.980	2.837.482.109.350

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2019**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****11. Tài sản cố định thuê tài chính**

	Thiết bị và phương tiện vận tải
Nguyên giá	
Số đầu năm	259.292.255.153
Thuê tài chính tăng trong kỳ	446.634.407
Số cuối kỳ	259.738.889.560
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	55.820.832.735
Khấu hao trong kỳ	22.019.707.799
Số cuối kỳ	77.840.540.534
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	203.471.422.418
Số cuối kỳ	181.898.349.026

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Chi phí thiết kế web	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	307.313.481.530	39.278.412.351	105.000.000	346.696.893.881
Tăng trong kỳ	1.267.615.344	587.000.000	-	1.854.615.344
Số cuối kỳ	308.581.096.874	39.865.412.351	105.000.000	348.551.509.225
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	46.254.682.073	19.244.174.900	59.112.903	65.557.969.876
Tăng trong kỳ	3.317.501.479	3.333.785.187	-	6.651.286.666
Số cuối kỳ	49.572.183.552	22.577.960.087	59.112.903	72.209.256.542
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	261.058.799.457	20.034.237.451	45.887.097	281.138.924.005
Số cuối kỳ	259.008.913.322	17.287.452.264	45.887.097	276.342.252.683

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

	Đầu kỳ	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	67.895.408.765	25.124.202.958	(65.527.685.220)	27.491.926.503
XDCB dở dang	1.639.658.945.145	44.589.800.948	(50.323.284.504)	1.633.925.461.589
- Công trình khu dân cư Rạch Chiếc	51.165.085.825	-	-	51.165.085.825
- Dự án cao su của Pacific Pearl	381.155.471.670	12.642.795.443	(251.268.374)	393.546.998.739
- Dự án cao su của Pacific Lotus	465.400.319.020	11.674.233.027	(17.832.505.697)	459.242.046.350

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2019**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- Dự án cao su của Pacific Pride	741.938.068.630	19.999.310.205	(32.171.410.433)	729.765.968.402
- Dự án Cảng Nam Định Vũ	-	273.462.273	(68.100.000)	205.362.273
Cộng	1.707.554.353.910	69.714.003.906	(115.850.969.724)	1.661.417.388.092

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu kỳ	30.485.029.379	33.016.627.000
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ	(1.219.514.128)	(3.207.154.518)
Số cuối kỳ	29.265.515.251	29.809.472.482

15. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải và Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Đình Vũ.

Chi tiết phân bổ như sau:

	Nguyên giá	Số đã phân bổ	Giá trị còn lại
Số đầu năm	282.481.409.458	227.180.980.611	55.300.428.847
Phân bổ trong kỳ	-	13.873.249.901	
Số cuối kỳ	282.481.409.458	241.054.230.512	41.427.178.946

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả bên liên quan	9.861.085.062	22.323.790.221
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept	3.163.741.211	13.680.978.518
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	4.116.222.423	6.756.869.342
Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept	2.581.121.428	1.885.942.361
Phải trả các nhà cung cấp khác	365.018.851.139	381.255.859.739
Rich Mountain Trading Co., Ltd	67.119.794.376	67.221.748.900
V.K.S Capital Investment Co., Ltd	24.836.756.619	72.638.886.600
Các nhà cung cấp khác	273.062.300.144	241.395.224.239
Cộng	374.879.936.201	403.579.649.960

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Khánh Duy	-	2.000.000.000
Petro China International (S) Pte. Ltd	-	489.442.015
Các khách hàng khác	9.761.893.731	2.290.832.273
Cộng	9.761.893.731	4.780.274.288

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2019**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT	5.306.445.011	-	3.747.986.304	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	38.366.931.470	5.238.138.250	24.034.072.457	4.297.173.786
Thuế thu nhập cá nhân	1.575.372.703	1.225.219.635	2.836.629.727	1.334.404.945
Các loại thuế khác	1.023.213.648	322.548.419	419.134.329	814.864.266
Cộng	46.271.962.832	6.785.906.304	31.037.822.817	6.446.442.997

19. Phải trả người lao động

Tiền lương và các khoản khác phải trả công nhân viên.

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	310.212.860	782.782.029
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link – Chi phí lãi vay	-	497.616.332
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	310.212.860	285.165.697
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	169.381.545.668	166.834.435.574
Chi phí lãi vay	14.050.243.966	12.842.721.477
Chi phí cho dự án trồng cao su	69.396.155.676	65.543.237.520
Chi phí sửa chữa, xây dựng	2.446.314.604	6.572.991.382
Chi phí bốc xếp, vận chuyển	14.178.533.540	6.861.219.604
Chi phí duy tu, nạo vét cảng	20.248.259.727	41.239.898.651
Chi phí khác	49.062.038.155	33.774.366.940
Cộng	169.691.758.528	167.617.217.603

21. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lãi hoãn lại do đánh giá lại tài sản cố định góp vốn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	224.797.683.828	227.705.328.879
Doanh thu chưa thực hiện khác	2.285.499.572	2.783.529.220
Cộng	227.083.183.400	230.488.858.099

22. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**22a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả bên liên quan	6.941.684.402	8.550.868.709
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	321.868.893	1.066.094.645
Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept	4.418.387.484	5.117.063.590
Công ty TNHH MTV vận tải biển Gemadept	2.201.428.025	2.295.405.974
Công ty TNHH Tiếp vận "K" Line – Gemadept	-	72.304.500
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	100.052.639.498	100.189.801.684
Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	1.329.035.507	1.385.933.964
Nhận ký quỹ ngắn hạn	6.175.354.216	3.887.393.840

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2019**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Cổ tức phải trả	10.118.601.025	866.923.926
Phải trả về dịch vụ làm đại lý	9.967.406.421	6.666.007.893
Chi phí thuê đất	9.019.378.963	7.140.331.540
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	63.442.863.365	80.243.210.521
Cộng	106.994.323.900	108.740.670.393

22b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả bên liên quan	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept – Nhận đặt cọc cho thuê kho	2.000.000.000	2.000.000.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	69.764.496.504	66.333.658.840
Chi phí thuê đất ⁽ⁱ⁾	69.764.496.504	66.333.658.840
Cộng	71.764.496.504	68.333.658.840

⁽ⁱ⁾ Các khoản chi phí thuê đất phát sinh tại Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Thái Bình Dương, Công ty Cổ phần Hoa Sen Thái Bình Dương và Công ty Cổ phần Niềm Kiêu Hãnh Thái Bình Dương được phân bổ cho giai đoạn từ năm 2011 lũy kế đến ngày 30 tháng 06 năm 2019. Các khoản chi phí này sẽ được thanh toán sau thời hạn 05 năm kể từ ngày ký Hợp đồng thuê đất.

Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

23. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**23a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn phải trả bên liên quan	-	273.775.223.876
Vay Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link theo lãi suất cố định quy định trong hợp đồng	-	220.320.963.876
Vay Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn theo lãi suất cố định quy định trong hợp đồng	-	53.454.260.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân	144.417.948.748	123.051.121.582
Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng	32.798.903.356	78.630.679.430
Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh	62.793.954.883	44.420.442.152
Vay Ngân hàng TMCP Liên Việt Post	33.840.661.387	-
Vay Ngân hàng TMCP Phương Đông Việt Nam - Cn Tân Bình	14.984.429.122	-
Vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả các tổ chức và cá nhân	283.123.610.563	278.180.975.264
Vay dài hạn đến hạn trả	226.768.168.924	222.276.002.552
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	56.355.441.639	55.904.972.712
Cộng	427.541.559.311	675.007.320.722

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2019**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****23b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	1.342.702.564.542	1.387.108.882.336
Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn	877.841.775.929	879.771.023.425
Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Tân Bình	203.976.080.713	184.457.549.999
Vay Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Hải Phòng	121.476.773.350	155.708.641.250
Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh Sài Gòn	70.000.000.000	80.000.000.000
Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi	46.000.000.000	64.000.000.000
Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng	-	23.171.667.662
Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Tp.HCM	23.407.934.550	-
Nợ thuê tài chính	177.924.462.839	204.872.566.704
Thuê tài chính Trac Container Ltd.	143.272.703.818	159.396.923.957
Thuê tài chính Intermodal Investment Fund IV LLC	34.651.759.021	45.475.642.747
Cộng	1.520.627.027.381	1.591.981.449.040

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

23c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

24. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng các khoản phải trả liên quan đến những tổn thất phải bồi thường trong quá trình vận chuyển.

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty bao gồm: quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và quỹ Hội đồng quản trị.

26. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm Nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	111.871.685	6.567.021.758
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	1.342.377.254	(6.202.136.830)
Số cuối kỳ	1.454.248.939	364.884.928

27. Vốn chủ sở hữu**27a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu:**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Giảm trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vốn góp của chủ sở hữu	2.969.249.570.000	-	-	2.969.249.570.000
Thặng dư vốn cổ phần	1.941.832.197.040	-	-	1.941.832.197.040

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2019**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Vốn khác của chủ sở hữu	71.797.775.902	-	-	71.797.775.902
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	88.120.738.511	-	(14.922.690.598)	73.198.047.913
Quỹ đầu tư phát triển	140.506.685.321	14.328.197.532	-	154.834.882.853
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	127.122.474.017	13.705.975.309	-	140.828.449.326
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	541.644.403.653	288.956.226.562	(62.361.000.526)	768.239.629.689
Cộng	5.880.273.844.444	316.990.399.403	(77.283.691.124)	6.119.980.552.724

27b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	296.924.957	296.924.957
- Cổ phiếu phổ thông	296.924.957	296.924.957
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	296.924.957	296.924.957
- Cổ phiếu phổ thông	296.924.957	296.924.957
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

27c. Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi Báo cáo tài chính của các Công ty con lập bằng USD sang VND.

28. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các công ty con.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu hoạt động khai thác cảng	1.133.362.888.931	1.023.013.458.188
Doanh thu hoạt động logistics, cho thuê văn phòng...	163.868.704.354	276.061.092.885
Cộng	1.297.231.593.286	1.299.074.551.073

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên doanh, liên kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2019**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****2. Giá vốn hàng bán**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động khai thác cảng	651.240.741.675	595.446.535.561
Giá vốn hoạt động logistics	130.684.987.267	218.533.382.438
Cộng	781.925.728.942	813.979.917.999

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	879.116.734	13.120.073.230
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.662.500.504	3.876.680.717
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.122.590.757	8.778.483.883
Lợi nhuận chuyển nhượng các khoản đầu tư	97.755.602.938	1.519.922.732.049
Doanh thu tài chính khác	984.808.404	435.716.454
Cộng	105.404.619.337	1.546.133.686.333

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	74.048.109.380	53.630.625.584
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.364.351.687	20.749.827.324
Dự phòng (hoàn nhập) các khoản đầu tư tài chính	4.261.429.573	(114.060.884.172)
Chi phí tài chính khác	125.982.778	15.249.387.471
Cộng	81.799.873.418	(24.431.043.793)

5. Chi phí bán hàng

Chi phí hoa hồng môi giới, chi phí khác cho hoạt động bán hàng.

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương nhân viên quản lý	68.136.128.577	57.526.843.110
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	5.797.210.952	3.296.491.014
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.230.425.244	7.508.240.595
Phân bổ lợi thế thương mại	13.873.249.901	16.485.090.292
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.722.711.300	23.504.665.461
Chi phí khác	21.920.489.773	41.322.799.575
Cộng	149.680.215.747	149.644.130.047

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thành Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2019**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****7. Thu nhập khác**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý tài sản cố định	848.201.754	2.492.292.492
Phân bổ doanh thu chưa thực hiện (*)	3.124.543.431	2.907.645.051
Thu nhập khác	3.928.151.396	6.487.782.904
Cộng	7.900.896.581	11.887.720.447

(*) Doanh thu chưa thực hiện bao gồm:

- Phân bổ đánh giá quyền sử dụng đất khi góp vốn vào Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link phát sinh từ năm 2008 là 283.980.000.000 VND. Tập đoàn phân bổ doanh thu chưa thực hiện trong kỳ tương ứng với thời gian khấu hao quyền sử dụng đất là 48 năm và 10 tháng.
- Phân bổ khoản đánh giá lại giá trị tài sản cố định góp vốn vào Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings phát sinh từ năm 2017 là 5.622.625.365 VND với thời gian phân bổ là 10 năm

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí đầu tư không hiệu quả	50.255.644.643	100.615.371.480
Chi phí khác	2.401.761.548	2.547.951.592
Cộng	52.657.406.191	103.163.323.072

9. Lãi trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	288.956.226.562	1.528.862.954.602
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(23.116.498.125)	(17.503.688.024)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu	265.839.728.437	1.511.359.266.578
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	296.924.957	288.276.957
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	895	5.243
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	895	5.243

(*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước được điều chỉnh theo mức trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi được xét duyệt bởi Đại hội đồng cổ đông.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	115.171.843.034	116.134.274.477
Chi phí nhân công	179.624.063.060	150.145.821.471
Chi phí khấu hao tài sản cố định	179.631.475.469	151.333.962.072

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2019**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
và lợi thế thương mại phân bổ		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	465.041.252.467	550.549.288.090
Chi phí khác	56.369.335.387	74.668.685.671
Cộng	995.837.969.417	1.042.832.031.781

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	5.152.448.000	4.139.655.000
Thu nhập khác	189.317.646	189.317.646
Cộng	5.341.765.646	4.328.972.646

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty TNHH Tiếp vận “K” Line – Gemadept	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty TNHH CJ Gemadept Shipping Holdings	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings	Công ty liên kết
Công ty TNHH Golden Globe	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thương cảng Vũng Tàu	Công ty liên kết
Công ty TNHH Thương mại Quả Cầu Vàng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept	Công ty con của công ty liên kết
Công ty Cổ phần Mekong Logistics	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept	Công ty con của Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Gemadept Shipping Singapore Pte. Ltd.	Công ty con của Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Gemadept (Malaysia) Sdn. Bhd.	Công ty con của Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty TNHH OOCL Logistics (Việt Nam)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Điện lực	Công ty liên kết của công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2019**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)***Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c. Tập đoàn không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.6, V.16, V.17, V.20, V.22 và V.23.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

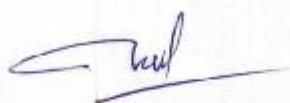
2. Giải trình biến động lợi nhuận quý 2 năm 2019

	<u>Quý 2 năm 2019</u>	<u>Quý 2 năm 2018</u>	<u>Chênh lệch giảm</u>
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	169.357.438.588	260.881.108.547	91.523.669.959

Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ quý 2 năm 2019 đạt hơn 169,3 tỷ đồng, giảm hơn 91,5 tỷ đồng so với quý 2 năm 2018. Nguyên nhân chủ yếu do:

- Lợi nhuận trước thuế từ hoạt động kinh doanh thông thường tăng hơn 18,5 tỷ đồng do tăng trưởng của lĩnh vực kinh doanh chính là khai thác cảng và logistics;
- Lợi nhuận từ chuyển nhượng các khoản đầu tư giảm hơn 63,1 tỷ đồng so với cùng kỳ;
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và Lợi ích cổ đông không kiểm soát tăng hơn 46,9 tỷ đồng.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 07 năm 2019



Phạm Quang Huy
Người lập



Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc